

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM**

Số: 2002/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Tâm, ngày 26 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm (đợt 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 18/01/2024, Luật Nhà ở ngày 27/11/2023, Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023 và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 3327/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021, số 2262/QĐ-BNN-KH ngày 09/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 523/UBND-KT ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nội dung quy mô dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 773/UBND-KT ngày 10/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc cam kết bố trí vốn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Đồng Phú về việc Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt, đoạn đi qua huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các thông báo thu hồi đất do UBND xã Đồng Tâm ban hành cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất nằm trong phạm vi thu hồi của dự án.

Căn cứ Thông báo số 426/TB-NPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Đồng Phú về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai;

Căn cứ biên bản số 28, 29, 30/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 10/11/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ;

Căn cứ biên bản số 36/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 10/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đồng Phú (được điều chỉnh tại Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 17/6/2025);

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đồng Phú được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 (được điều chỉnh tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 27/6/2025);

Căn cứ Quyết định số 44/2024/NĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1274/STC-VP ngày 31/7/2025 của Sở Tài chính về việc tham mưu hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định cơ quan tham mưu lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sắp xếp;

Căn cứ Công văn số 958/SoNNMT-ĐĐ ngày 21/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng Bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1866/SoXD-QLHD&VLXD ngày 26/8/2025 của Sở Xây dựng về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 7938/SoNNMT-ĐĐ ngày 05/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xử lý kiến nghị của UBND xã Nha Bích, UBND phường Đồng Xoài về hướng dẫn xác định đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-SoXD ngày 03/11/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố Tập chỉ số giá xây dựng tháng 07, 08, 09 và Quý III (từ khu vực 12 đến khu vực 22) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Báo cáo 750/BC-STC ngày 10/11/2025 của Sở Tài Chính về tình hình giá thị trường tháng 10 năm 2025;

Theo đề nghị của của Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú tại Công văn số 678a/TTPTQĐ.CNDP ngày 19/12/2025; đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 1944/TTr-PKT ngày 26 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai (đợt 1), cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh (lần)	QĐ 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước cũ (Nay là tỉnh Đồng Nai) (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
A	XÃ ĐỒNG TIẾN (CŨ) – KHU VỰC 2			
1	Giá đất trồng cây lâu năm			
1.1	Vị trí 1 - Phạm vi 1 đường Quốc lộ 14	3,0433	180.000	548.000
1.2	Vị trí 3 - Phạm vi 1	1,1795	90.000	106.000
1.3	Vị trí 4	1,2231	75.000	92.000

Điều 2. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai (đợt 1), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai (đợt 1) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 15 hộ gia đình, cá nhân.

(Có Phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo)

2. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với 15 hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (17 thửa đất) để thực hiện dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai (đợt 1) theo quy định tại khoản 2 Điều 3

Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

(Có phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ đối với từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi kèm theo).

Điều 3. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên có liên quan:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Phòng Kinh tế xã Đồng Tâm phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tại Trụ sở UBND xã Đồng Tâm, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư (Nhà văn hóa ấp) nơi có đất thu hồi.

b) Trực tiếp gửi phương án bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt đến từng hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo điểm b khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

c) Thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt.

d) Tổ chức quản lý chặt chẽ diện tích đất đã được giải phóng mặt bằng để bàn giao cho đơn vị chủ đầu tư thực hiện thi công dự án.

đ) Chịu trách nhiệm về kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; niêm yết, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ; trình tự, thủ tục, các số liệu, nội dung và thành phần hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

e) Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản có liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ của Dự án theo đúng quy định.

2. Phòng Kinh tế:

Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể, phương án bồi thường, hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phòng Văn hóa – Xã hội

Đăng tải Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của xã Đồng Tâm.

4. Ban Quản lý dự án – Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai:

Có trách nhiệm đảm bảo nguồn kinh phí để thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định

5. Các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi:

Có trách nhiệm thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Phòng Kinh tế, Trưởng Phòng Văn hóa – Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai, Giám đốc Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú, Trưởng Ban quản lý ấp Cầu 2; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, PKT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Chí Thường

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai (đợt 1)

(Kèm theo Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của Chủ tịch UBND xã)

I. Căn cứ pháp lý xây dựng phương án:

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 18/01/2024, Luật Nhà ở ngày 27/11/2023, Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023 và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 3327/QĐ-BNN-KH ngày 23/7/2021, số 2262/QĐ-BNN-KH ngày 09/6/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2713/QĐ-BNN-XD ngày 06/7/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/07/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 523/UBND-KT ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và nội dung quy mô dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 773/UBND-KT ngày 10/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc cam kết bố trí vốn thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 10/6/2025 của UBND huyện Đồng Phú về việc Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt, đoạn đi qua huyện Đồng Phú,

tỉnh Bình Phước.

Căn cứ các thông báo thu hồi đất do UBND xã Đồng Tâm ban hành cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có đất nằm trong phạm vi thu hồi của dự án.

Căn cứ Thông báo số 426/TB-NPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Đồng Phú về kết quả thực hiện yêu cầu cung cấp thông tin, hồ sơ dữ liệu đất đai;

Căn cứ biên bản số 28, 29, 30/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 10/11/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ;

Căn cứ biên bản số 36/BB-TTPTQĐ.CNĐP ngày 10/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú về việc kết thúc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đồng Phú (được điều chỉnh tại Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 17/6/2025);

Căn cứ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Đồng Phú được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 (được điều chỉnh tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 27/6/2025);

Căn cứ Quyết định số 44/2024/NĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1274/STC-VP ngày 31/7/2025 của Sở Tài chính về việc tham mưu hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định cơ quan tham mưu lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

Căn cứ Công văn số 4053/UBND-KTNS ngày 27/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1951/UBND-KTNS ngày 29/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chính sách bồi bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ) sau khi sắp xếp;

Căn cứ Công văn số 958/SoNNMT-ĐĐ ngày 21/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng các quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 1271/UBND-KTNS ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc áp dụng Bảng giá đất kể từ ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1866/SoXD-QLHD&VLXD ngày 26/8/2025 của Sở Xây dựng về việc áp dụng các quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại, công trình xây dựng và giá bồi thường tài sản vật kiến trúc của 02 tỉnh Đồng Nai (cũ) và Bình Phước (cũ);

Căn cứ Công văn số 7938/SoNNMT-ĐĐ ngày 05/11/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xử lý kiến nghị của UBND xã Nha Bích, UBND phường Đồng Xoài về hướng dẫn xác định đối tượng hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 486/QĐ-SoXD ngày 03/11/2025 của Sở Xây dựng về việc công bố Tập chỉ số giá xây dựng tháng 07, 08, 09 và Quý III (từ khu vực 12 đến khu vực 22) năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Báo cáo 750/BC-STC ngày 10/11/2025 của Sở Tài Chính về tình hình giá thị trường tháng 10 năm 2025;

Theo đề nghị của của Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú tại Công văn số 678a/TTPTQĐ.CNĐP ngày 19/12/2025; đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 1944/TTr-PKT ngày 26 tháng 12 năm 2025.

II. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Tổng số hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thu hồi đất thực hiện dự án trình phê duyệt đợt 1: 15 hộ gia đình, cá nhân với 17 thửa đất thu hồi.

2. Vị trí, diện tích đất thu hồi, nguồn gốc đất thu hồi; số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại:

- Vị trí đất thu hồi: : Thửa 3, thửa 4, thửa 5, thửa 10, thửa 14, thửa 16, thửa 23, thửa 24, thửa 25, thửa 29, thửa 30, thửa 34, thửa 36, thửa 38, thửa 44, thửa 45, thửa 46

Tờ TĐ 40-2024 (Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt), tại xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2.2 . Diện tích thu hồi: 2.433,8 m².

2.3. Loại đất thu hồi: Đất trồng cây lâu năm.

2.4. Nguồn gốc đất thu hồi: Đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất.

2.5. Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thu hồi:

Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú lập, đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận có thực hiện kiểm kê hiện trạng thực tế tại thửa đất thu hồi.

Số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thu hồi: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng do Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Đồng Phú lập, đã được UBND xã Đồng Tâm xác nhận có thực hiện kiểm kê hiện trạng thực tế tại thửa đất thu hồi.

3. Giá trị cụ thể tính tiền bồi thường; đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở; công trình xây dựng và về cây trồng, vật nuôi; chính sách hỗ trợ:

3.1. Đơn giá đất cụ thể tính tiền bồi thường:

Theo Căn cứ Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm về việc thống nhất kết quả thẩm định phương án giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng thuộc dự án: Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt đoạn qua địa bàn xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

TT	Hạng mục	Hệ số điều chỉnh (lần)	QĐ 52/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Bình Phước cũ (Nay là tỉnh Đồng Nai) (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
A	XÃ ĐỒNG TIẾN (CŨ) – KHU VỰC 2			
1	Giá đất trồng cây lâu năm			
1.1	Vị trí 1 - Phạm vi 1 đường Quốc lộ 14	3,0433	180.000	548.000
1.2	Vị trí 3 - Phạm vi 1	1,1795	90.000	106.000
1.3	Vị trí 4	1,2231	75.000	92.000

3.2. Khu vực, phạm vi, vị trí, loại đường của thửa đất thu hồi:

Theo văn bản cung cấp phạm vi, vị trí các thửa đất do Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Đồng Phú.

3.3. Đơn giá bồi thường cây trồng

Thực hiện theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (được bổ sung, sửa đổi tại Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai).

3.4. Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng và cây trồng, vật nuôi:

Thực hiện theo Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND tỉnh Bình Phước quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

3.5 Hỗ trợ ổn định đời sống:

Thực hiện theo Điều 108 Luật Đất đai năm 2024; Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Điều 10 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai;

3.6. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai năm 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; với mức hỗ trợ: 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương.

3.7. Khen thưởng:

Thực hiện theo khoản 4 Điều 15 Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ và chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: 584.522.832 đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi hai đồng).

Trong đó:

a) Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **573.061.600 đồng.**

(Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi ba triệu không trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng), cụ thể:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	573.061.600
2	Hỗ trợ công trình xây dựng, vật kiến trúc	0
3	Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	0
4	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
5	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
6	Bồi thường chi phí đầu tư vào đất	0

7	Hỗ trợ đối với đối tượng thuộc diện chính sách	0
8	Khen thưởng	0
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6+7+8)		573.061.600

b) Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ:

Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ là 2% trên tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, cụ thể:

Tổng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ: **573.061.600** x 2 % = 11.461.232 đồng (*bằng chữ: Mười một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn hai trăm ba mươi hai đồng*).

5. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (*kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ từng hộ gia đình, cá nhân*).

6. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Thực hiện theo Điều 109 Luật Đất đai 2024; Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

7. Phương án bố trí tái định cư: Không .

8. Phương án di dời mộ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không.

9. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

10. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ:

Việc tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2024.

Triển khai công tác chi trả bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 94 Luật Đất đai năm 2024 và Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

11. Nguồn kinh phí thực hiện:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đồng Nai đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

12. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ (nếu có):

Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND xã Đồng Tâm phê duyệt, Trung tâm PTQĐ Chi nhánh Đồng Phú có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đồng Tâm thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản./.

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 01/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: bà Giang Thị Thuý, sinh năm: 1964, số CCCD: 034164024703, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 3, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 691; Tờ bản đồ số: 25 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 4,1 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 4.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 4	4,1	0	4,1	0	92.000	0	377.200	377.200

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	377.200
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		377.200

(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 377.200 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 02/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Trần Việt Thắng, sinh năm: 1995, số CCCD: 070095011453, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 4, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 692; Tờ bản đồ số: 25 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 63,7 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 4.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 4	63,7	0	63,7	0	92.000	0	5.860.400	5.860.400

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	5.860.400
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		5.860.400

(Bằng chữ: Năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 5.860.400 đồng *(Bằng chữ: Năm triệu tám trăm sáu mươi nghìn bốn trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 03/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Trần Viết Hưng, sinh năm: 1990, số CCCD: 070090000431, địa chỉ thường trú: Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 5, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 693; Tờ bản đồ số: 25 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 17,8 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 4.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 4	17,8	0	17,8	0	92.000	0	1.637.600	1.637.600

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	1.637.600
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		1.637.600

(Bằng chữ: Một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.637.600 đồng *(Bằng chữ: Một triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 04/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: bà Bùi Thị Lợi, sinh năm: 1966, số CCCD: 036166015214, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 10, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: ; Tờ bản đồ số: tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 19,8 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 4.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 4	19,8	0	19,8	0	92.000	0	1.821.600	1.821.600

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	1.821.600
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		1.821.600

(Bằng chữ: Một triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.821.600 đồng *(Bằng chữ: Một triệu tám trăm hai mươi một nghìn sáu trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 05/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ ông Trần Xuân Đức cùng vợ là bà Bùi Thị Thanh Thúy, sinh năm: 1971, số CCCD: 036071008690, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 14, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 865; Tờ bản đồ số: 25 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 20,0 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	20,0	0	20,0	0	106.000	0	2.120.000	2.120.000

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4=1*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	2.120.000
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		2.120.000

(Bằng chữ: Hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 2.120.000 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 06/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Thái Oanh, sinh năm: , số CCCD: , địa chỉ thường trú: Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 16, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: ; Tờ bản đồ số: tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 720,0 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận chuyển nhượng được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 1, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 1, phạm vi 1	720,0	0	720,0	0	548.000	0	394.560.000	394.560.000

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	394.560.000
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		394.560.000

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 394.560.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 07/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ ông Nguyễn Thanh Quang, sinh năm: 1973, số CCCD: 019073000623, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 23, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 303,307; Tờ bản đồ số: 13 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 92,2 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	92,2	0	92,2	0	106.000	0	9.773.200	9.773.200

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4=1*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	9.773.200
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		9.773.200

(Bằng chữ: Chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 9.773.200 đồng *(Bằng chữ: Chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 08/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Ngô Ngọc Vinh, sinh năm: 1965, số CCCD: 022065002736, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 24, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 298; Tờ bản đồ số: 13 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 367,9 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	367,9	0	367,9	0	106.000	0	38.997.400	38.997.400

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4=1*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	38.997.400
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		38.997.400

(Bằng chữ: Ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 38.997.400 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi tám triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 09/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: bà Ngô Thị Nguyệt, sinh năm: 1978, số CCCD: 0221978003753, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 25, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 299; Tờ bản đồ số: 13 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 20,7 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 4.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 4	20,7	0	20,7	0	92.000	0	1.904.400	1.904.400

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	1.904.400
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		1.904.400

(Bằng chữ: Một triệu chín trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.904.400 đồng *(Bằng chữ: Một triệu chín trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 10/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Lê Hồng Thuận, sinh năm: 1972, số CCCD: 070072000878, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 29, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 304; Tờ bản đồ số: 13 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 125,3 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	125,3	0	125,3	0	106.000	0	13.281.800	13.281.800

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4=1*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	13.281.800
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		13.281.800

(Bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 13.281.800 đồng *(Bằng chữ: Mười ba triệu hai trăm tám mươi một nghìn tám trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 11/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Lê Hồng Thuận, sinh năm: 1972, số CCCD: 070072000878, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 30, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 304; Tờ bản đồ số: 13 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 376,3 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	376,3	0	376,3	0	106.000	0	39.887.800	39.887.800

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4=1*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	39.887.800
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		39.887.800

(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 39.887.800 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 12/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ bà Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm: 1982, số CCCD: 070182001798, địa chỉ thường trú: Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 34, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 1245; Tờ bản đồ số: 13 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 6,7 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	6,7	0	6,7	0	106.000	0	710.200	710.200

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	710.200
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		710.200

(Bằng chữ: Bảy trăm mười nghìn hai trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 710.200 đồng *(Bằng chữ: Bảy trăm mười nghìn hai trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 13/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ ông Tạ Văn Đạt cùng vợ là bà Nguyễn Thị Nhung, sinh năm: 1966, số CCCD: 019066012243, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 36, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 1; Tờ bản đồ số: 18 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 102,7 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	102,7	0	102,7	0	106.000	0	10.886.200	10.886.200

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4=1*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	10.886.200
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		10.886.200

(Bằng chữ: Mười triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 10.886.200 đồng *(Bằng chữ: Mười triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 14/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: ông Nguyễn Văn Hải, sinh năm: 1981, số CCCD: 019081000985, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 38, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 38; Tờ bản đồ số: 18 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 66,4 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	66,4	0	66,4	0	106.000	0	7.038.400	7.038.400

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	7.038.400
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		7.038.400

(Bằng chữ: Bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 7.038.400 đồng *(Bằng chữ: Bảy triệu không trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 15/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ ông Nguyễn Viết Cương, sinh năm: 1973, số CCCD: 019073000345, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 44, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 11; Tờ bản đồ số: 18 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 330,5 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 3, phạm vi 1.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 3, phạm vi 1	330,5	0	330,5	0	106.000	0	35.033.000	35.033.000

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>1</i>	<i>2</i>		<i>4=1*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	35.033.000
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		35.033.000

(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 35.033.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 16/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ ông Nguyễn Văn Tân, sinh năm: 1966, số CCCD: 019066000454, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 45, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 14; Tờ bản đồ số: 18 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 79,0 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 4.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 4	79,0	0	79,0	0	92.000	0	7.268.000	7.268.000

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3 Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	7.268.000
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		7.268.000

(Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 7.268.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT

Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ suối Rạt, tỉnh Bình Phước
(Kèm theo Quyết định số 2002 /QĐ-UBND ngày 26 /12/2025 của UBND xã Đồng Tâm)

Mã phương án: 17/PACT-SR.BP

I. Thông tin về chủ sử dụng đất; diện tích đất thu hồi:

1) Tên chủ sử dụng đất:

Họ tên: Hộ ông Nguyễn Văn Tân, sinh năm: 1966, số CCCD: 019066000454, địa chỉ thường trú: Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

2) Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi:

a) Vị trí đất: Thửa số 46, Tờ bản đồ số TĐ40-2024, Bản đồ GPMB thực hiện dự án đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (là một phần diện tích đất thuộc Thửa đất số: 14; Tờ bản đồ số: 18 tại Ấp Cầu 2, xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

b) Diện tích đất thu hồi: 20,7 m².

c) Loại đất (MĐSDĐ): Đất trồng cây lâu năm.

d) Nguồn gốc đất: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất (đã có giấy chứng nhận).

II. Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

1. Bồi thường về đất:

Căn cứ công văn số 426/TB-VPĐK.ĐP ngày 13/11/2025 của VPĐKĐĐ chi nhánh Đồng Phú, xác định diện tích đất nông nghiệp thu hồi thuộc vị trí 4.

Đơn giá đất bồi thường được xác định theo Công văn số 1571/CV-HĐTĐGD ngày 08/12/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Đồng Tâm

Vị trí/loại đường/phạm vi/khu vực	Diện tích đất thu hồi (m ²)			Đơn giá tính tiền đất (đồng/m ²)		Tiền bồi thường về đất (đồng)		
	Tổng	Trong đó:		Đất ONT	Đất NN	Bồi thường đất ở	Bồi thường đất nông nghiệp	Tổng tiền bồi thường về đất
		Đất ONT	ĐẤT NN					
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=3*5</i>	<i>8=4*6</i>	<i>9=7+8</i>
vị trí 4	20,7	0	20,7	0	92.000	0	1.904.400	1.904.400

2. Bồi thường về nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc: Không có

3. Bồi thường cây trồng (nếu có): Tạm thời chưa phê duyệt.

4. Hỗ trợ ổn định đời sống: Không

Tỷ lệ thu hồi đất nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (kg/người/tháng)	Số nhân khẩu	Đơn giá gạo (đồng/kg)	Giá trị hỗ trợ (đồng)
<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=2*3*4*5</i>
0	0	0	0	0	0

5. Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không

TT	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích đất NN (m ²)	Đơn giá theo Bảng giá đất (đ/m ²)	Hệ số hỗ trợ (lần)	Giá trị hỗ trợ
			<i>l</i>	<i>2</i>		<i>4=l*2*3</i>
0	0	0	0	0	0	0

6. Giá trị bồi thường chi phí di chuyển: Không có

7. Hỗ trợ thuê nhà trọ do phải phá dỡ hết nhà, công trình: Không

8. Giá trị hỗ trợ khác: Không

III. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ :

STT	Các khoản bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
1	Bồi thường về đất	1.904.400
2	Bồi thường về nhà, công trình, kiến trúc trên đất	0
3	Bồi thường về cây trồng	0
4	Hỗ trợ ổn định đời sống	0
5	Tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	0
Tổng cộng		1.904.400

(Bằng chữ: Một triệu chín trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng./.)

IV. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

V. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VI. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không

VII. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai: Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

VIII. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thu đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): 1.904.400 đồng *(Bằng chữ: Một triệu chín trăm linh bốn nghìn bốn trăm đồng./.)*

IX. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không